

Những biểu hiện của chủ nghĩa hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại

Nguyễn Thanh Huyền

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Luận văn ThS. ngành: Lý luận văn học; Mã số: 60 22 32
Người hướng dẫn: PGS.TS. Trần Khánh Thành
Năm bảo vệ: 2012

Abstract. Khái lược về Chủ nghĩa Hậu hiện đại và thơ Việt Nam đương đại (sau 1975). Nghiên cứu những biểu hiện về mặt nội dung: cái “tôi” trữ tình và những thay đổi về tư tưởng thẩm mỹ. Tìm hiểu những biểu hiện về mặt hình thức nghệ thuật: cấu trúc thơ; ngôn ngữ và cách thức “trình diễn” thơ đương đại.

Keywords. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học; Thơ; Văn học Việt Nam

Content

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thế giới đang chứng kiến một cuộc đổi thay chóng mặt của công nghệ và truyền thông. Đi cùng với đó là sự lấn át mãnh liệt của những loại hình nghệ thuật mang tính công nghệ cao như phim ảnh, internet, âm nhạc... đã và đang khiến cho văn hóa “đọc” bị mất dần tầm ảnh hưởng. Để tìm được một độc giả trung thành với thơ ca ngày nay quả thật là rất ít ỏi. Con người hiện đại không còn nhiều thời gian để đọc, ngẫm nghĩ và thấu hiểu những tầng ý hàm chứa trong ngôn từ cô đọng, ẩn dụ của thơ ca, họ dễ dàng tìm được những điều họ muốn trong các tác phẩm văn xuôi. Điều đó khiến cho thơ ca hôm nay phải đổi thay, để “giữ chân” người đọc.

Thế là thơ “hậu hiện đại” ra đời, nó nhanh chóng lan rộng và trở thành một trào lưu trên khắp thế giới. Khi du nhập vào phương Đông, nó đã khẳng định được sức mạnh hấp dẫn thực sự của sự đổi thay. Đặc biệt, khi đến Việt Nam, trào lưu này tạo nên một thế hệ những nhà thơ trẻ (như chúng ta vẫn thường gọi) với dòng thơ “đương đại”, đã gây nên nhiều “sóng gió” cho đời sống văn học Việt Nam. nỗ lực cách tân thơ ca trong suốt hơn hai chục năm qua của đội ngũ sáng tác cũng chính là mạch sống của thơ đương đại.

Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa, nhu cầu về việc nhận diện thực trạng sáng tác là vô cùng quan trọng. Nó không chỉ định hướng cho toàn bộ đời sống sáng tác, mà còn có ý nghĩa cấp thiết đối với đội ngũ lý luận, phê bình. Nó có thể kích thích khát vọng sáng tạo và góp phần điều chỉnh những sự cực đoan, lệch hướng. Vì vậy, một cái nhìn tổng quát về Chủ nghĩa Hậu hiện đại, vấn đề vẫn thường xuyên được nhắc đến trong đời sống thơ ca đương đại là vô cùng cần thiết.

Trước những lý do trên, chúng tôi quyết định chọn đề tài *Những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại*, nhằm có cái nhìn tổng quan, cụ thể hơn về nền thơ ca Việt Nam hôm nay trong bối cảnh thơ ca đang có những chuyển mình mạnh mẽ để tìm

được lối đi đúng đắn đến với trái tim độc giả và cũng để khẳng định vẻ đẹp vĩnh cửu của chính mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Từ thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, thơ chủ yếu được tiếp cận dưới góc độ phê bình một tác giả, một vấn đề thời sự văn học, một hiện tượng mới nổi... Với các vấn đề được quan tâm hơn cả là: truyền thống và hiện đại, thơ và tính dân tộc, chữ và nghĩa, thơ và sex. Bên cạnh đó là những công trình nghiên cứu đi vào nhận diện, miêu tả những đặc điểm, diện mạo của thơ như: *Nửa thế kỷ thơ Việt Nam 1945 – 1995* (Vũ Anh Tuấn), *Thơ trữ tình Việt Nam 1975 – 1995* (Lê Lưu Oanh), *Mấy vấn đề thơ Việt Nam 1975 – 2000* (Phạm Quốc Ca).

Ngoài ba công trình có quy mô và tính chuyên biệt trên thì còn có một số bài viết mang tính tổng kết như: *Hành trình thơ Việt Nam hiện đại* (Trần Đình Sử), *Về một xu hướng đổi mới thi pháp trong thơ hiện nay* (Đỗ Lai Thúy), *Nhìn lại tiến trình thơ Việt Nam hiện đại* (Vũ Quần Phương), *Mười năm công thơ leo núi* (Thanh Thảo), *Tổng quan về thơ Việt 1975 – 2000* (Mã Giang Lân), v.v...

Tuy nhiên, những công trình, bài viết trên hầu như chưa quan tâm nhiều đến sự ảnh hưởng của Chủ nghĩa Hậu hiện đại đến thơ Việt Nam đương đại để từ đó làm hệ quy chiếu nhận định những cách tân, những cái được và chưa được trong quá trình sáng tạo của các nhà thơ trẻ. Với luận văn này, chúng tôi mong muốn góp thêm một cái nhìn khách quan về thơ ca trên phương diện lấy Chủ nghĩa Hậu hiện đại để soi chiếu.

3. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Trong phạm vi luận văn này, chúng tôi cố gắng khảo sát, khái quát một vài biểu hiện chính thường gặp của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại, nhằm góp phần chỉ ra một khuynh hướng cách tân của thơ Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam từ sau 1975 đến nay, đặc biệt chú trọng vào các sáng tác thơ từ sau 1990.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi chủ yếu tập trung vào một số nhà thơ trẻ đã gây nhiều sóng gió trong đời sống văn học Việt Nam thời gian qua như Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư... Và đặc biệt, để đi sâu phân tích, đánh giá những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại của thơ đương đại, chúng tôi quan tâm nhiều đến tác giả Nguyễn Quang Thiều. Đây là một “hiện tượng thơ”, được xem là một trong số những nhà thơ có những biểu hiện Hậu hiện đại đậm đặc trong sáng tác. Bên cạnh đó những sáng tác của Nguyễn Quang Thiều trong suốt hơn hai chục năm qua đã và đang tác động nhiều đến đội ngũ sáng tác hôm nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu thi pháp thể loại sẽ là phương pháp nghiên cứu bao trùm mà luận văn lựa chọn. Thi pháp Chủ nghĩa Hậu hiện đại sẽ là hệ quy chiếu để từ đó nhận diện các sáng tác thơ đương đại trên hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. Từ đó, phân tích, đánh giá những giá trị cách tân mà nó mang lại cho thơ ca Việt Nam hôm nay cũng như những hạn chế, những vấn đề còn tồn tại trong đời sống sáng tác của các nhà thơ trẻ. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sử dụng các phương pháp và các thao tác khoa học sau: phương pháp so sánh, phương pháp thống kê phân loại, hệ thống hóa, phương pháp phân tích, tổng hợp.

5. Cấu trúc luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, nội dung của luận văn đề tài *Những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại* được cấu trúc gồm ba chương như sau:

Chương 1: Khái lược về Chủ nghĩa Hậu hiện đại và thơ Việt Nam đương đại

Chương 2: Những biểu hiện về mặt nội dung

Chương 3: Những biểu hiện về mặt hình thức nghệ thuật

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: KHÁI LƯỢC VỀ CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI VÀ THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

1.1. Khái lược về Chủ nghĩa Hậu hiện đại

1.1.1. Khái niệm về Chủ nghĩa Hậu hiện đại

Thuật ngữ “Chủ nghĩa Hậu hiện đại” (Post Modernisime) bắt đầu xuất hiện từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Đầu tiên là ở Mỹ, sau đó nhanh chóng lan sang các nước châu Âu. Cho đến nay thuật ngữ Chủ nghĩa Hậu hiện đại đã lan tỏa trên khắp thế giới, được thừa nhận và thậm chí được coi như là một khuynh hướng chủ đạo của nền nghệ thuật đương đại. Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng là một thuật ngữ bao quát được nhiều người dùng để chỉ các xu hướng văn học – nghệ thuật ngoài chủ nghĩa hiện thực truyền thống, xuất hiện nửa cuối thế kỷ XX, sau thời kỳ của Chủ nghĩa hiện đại và có xu hướng tìm tòi đổi mới, thậm chí đổi mới đến cực đoan, đến mức siêu hiện đại

1.1.2. Lược sử phát triển của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trên thế giới

Ở vào nửa đầu thế kỷ XX, bối cảnh chung của triết học phương Tây là sự ra đời của nhiều khuynh hướng nghệ thuật, khả dĩ đáp ứng nhu cầu, tâm trạng, hoài vọng của công chúng. Đồng thời nó cũng là sự phản ánh thực trạng xã hội khủng hoảng sau hai cuộc chiến tranh thế giới tàn khốc. Nhiều quan niệm mới về vị thế của triết – mỹ hiện đại.. Nghệ thuật được chờ đợi, hi vọng và được xem như là sự gọi về trong bản thân một cảm xúc người ta từng trải nghiệm và từng quen thuộc nhờ vào các phương tiện như chuyên động, đường nét, màu sắc, âm thanh hay các hình thái của sự viết để rồi truyền đạt lại cảm xúc ấy tới người khác sao cho họ cũng sẽ có những trải nghiệm y như thế. Từ tinh thần đó, vào những năm 60 của thế kỷ trước, đã xuất hiện một trào lưu với tên gọi Pop Art – trào lưu nghệ thuật đại chúng. Chủ nghĩa Hậu hiện đại ra đời trong bối cảnh đó.

Leslie Fiedler là nhà văn đầu tiên đã sử dụng tiếp đầu ngữ “hậu” – post, một cách tích cực vào năm 1965, khi ông lặp đi lặp lại nó và gắn nó với nhiều khuynh hướng cấp tiến đương thời như: hậu nhân văn, hậu nam tính, hậu da trắng, hậu anh hùng...

Ngày nay, hậu hiện đại nếu nhìn từ góc độ phương Tây, thì là sự tự hủy của nền văn hóa châu Âu cũ, như là sự từ bỏ quá khứ vĩ đại của mình và sự chế nhạo quá khứ đó. Nhưng khi Chủ nghĩa Hậu hiện đại đến phương Đông, nơi mà hầu như quá trình Hiện đại còn chưa hoàn tất thì nó lại mang ý nghĩa hoàn toàn ngược lại. Cho nên, khi nhận định nền thơ ca đương đại của Việt Nam dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Hậu hiện đại, chúng tôi suy xét dưới góc độ Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong bối cảnh triết – mỹ học phương Đông.

1.1.3. Những dấu hiệu của Chủ nghĩa Hậu hiện đại

Một trong những đặc điểm phổ quát nhất của Chủ nghĩa Hậu hiện đại là sự giải cấu trúc bao trùm mọi bình diện văn hóa. Chủ nghĩa Hậu hiện đại bao gồm nhiều xu hướng phi hiện thực, là kết quả phủ định của phủ định.

Đứng trên bình diện quan niệm Chủ nghĩa Hậu hiện đại là dù thế nào đi nữa, vẫn liên quan một cách mật thiết tới Chủ nghĩa Hiện đại, thì có thể thấy, những biểu hiện cơ bản của hậu hiện đại là: tính phi lý, tính phi chủ thể, tính phân mảnh, tính phi xác định về không gian, thời gian và tính chiết trung giữa hiện đại – truyền thống.

Thi pháp hậu hiện đại còn được biểu hiện trong tính cách lỏng lẻo giữa các sự liên kết ý tưởng, tính đa nghi hoang tưởng, sự rối loạn ngôn từ, tính liên văn bản. Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn này, chúng tôi sẽ dần dần chỉ ra những biểu hiện mang tính Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại xét theo hệ quy chiếu những đặc tính đã nêu trên.

1.2. Thơ Việt Nam đương đại (sau 1975)

1.2.1. Những dấu hiệu đổi mới của thơ trước 1975

Trước 1975, đỉnh cao của thơ ca Việt Nam phải kể đến phong trào Thơ Mới với nhiều thắng lợi rực rỡ của dòng thơ “chính thống”. Bên cạnh đó vẫn còn có những hướng cách tân quyết liệt hơn và do vậy cũng còn chịu nhiều luồng phán xét bất đồng. Đó là những đóng góp của Xuân Thu Nhã Tập, Dạ Đài, Giác Linh Hương. Đặc biệt là những đóng góp về mặt lý luận của nhóm Xuân Thu Nhã Tập như quan niệm về văn bản thơ, tính đa nghĩa của thơ, mối quan hệ giữa sáng tác – tác phẩm – tiếp nhận...

Đến thời kỳ kháng chiến chống Pháp, xu hướng thơ tự do – tự do hóa hình thức thơ cũng là một hướng đi nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng khả năng phản ánh hiện thực rộng lớn và phong phú của đời sống chiến tranh. Đến những sáng tác của nhóm Sáng tạo ở miền Nam với Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng, Đuynh Trầm Ca... thơ ca Việt Nam đã có những vận động đáng kể, “đã bắt đầu làm rạn nứt nếp quen sáng tạo và thưởng thức thơ tiền chiến, đã hé mở cho thơ một lối tìm mình.

Ở bất kỳ giai đoạn nào, thơ cũng có khát vọng cách tân.

1.2.2. Bối cảnh chung của thơ Việt Nam sau 1975

Sau năm 1975, cuộc sống mới với xu hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa và hiện đại hóa cao đã mang đến những thách thức cũng như thời cơ mới cho một cuộc cách tân nữa trong thơ ca Việt Nam hiện đại. Nhất là sau năm 1986, với xu hướng “mở cửa”, “hội nhập”, xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến trên mọi phương diện.

Đặc biệt, sự du nhập của nền văn học và lý luận phương Tây, châu Mỹ thời gian này đã ảnh hưởng lớn đến phong trào cách tân thơ những năm 80, 90. Giờ đây, thơ mới tràn đầy những năng lượng tư tưởng lớn lao trong nhiều dạng thức, chối bỏ những quy luật nghiêm ngặt, những tư tưởng xưa cũ... đánh dấu sự vận động không ngừng của dòng chảy văn học.

1.2.3. Những xu hướng cách tân

1.2.3.1. Nhóm những nhà thơ sau 1975 đến 1990

Sáng tác nổi bật của đội ngũ cầm bút giai đoạn này là của nhóm nhà thơ Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng, Dương Tường. Những sáng tác của các nhà thơ này cho dù chưa đi đến cùng, chưa đạt được độ chín hoặc là những sáng tạo hình thức còn mang tính chất cực đoan, không phù hợp với “gu” thẩm mỹ vốn dĩ hiền lành, trong trẻo của người Việt. Nhưng có một điều không thể phủ nhận được đó là thơ họ đã khơi mở những mạch nguồn sáng tạo mới cho thi ca Việt Nam.

1.2.3.2. Nhóm những nhà thơ xuất hiện từ 1990 đến nay

Thơ trẻ giai đoạn sau 1990 đánh dấu thành công của nhiều tên tuổi như: Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Quang Thiều, Dư Thị Hoàn, Y Phương, Nguyễn Khắc Thạch, Mai Văn Phấn, Trần Tiến Dũng, Ly Hoàng Ly, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Vi Thùy Linh, Nguyễn Quyên, Phan Huyền Thư...

Các sáng tác của thơ trẻ hiện nay có rất nhiều hướng đi và chưa có một vị trí độc tôn thực sự. Sự đa dạng ấy phản ánh tâm lý của tuổi trẻ cũng như tư duy, nhận thức phức tạp của lớp trẻ hiện nay. Họ đã đem đến những nỗ lực xác lập và khẳng định cái tôi. Những thể nghiệm của các nhà thơ trẻ khiến cho những người phê bình phải nhìn nhận lại một số vấn đề trong thơ ca như: yếu tính của thơ, ngôn ngữ thi ca, chất thơ...

1.3. Chủ nghĩa Hậu hiện đại và thơ Việt Nam đương đại

Trong nền văn hóa phong phú, đa dạng của Việt Nam, ngoài các yếu tố vẫn mang dáng dấp trung đại và các yếu tố hiện đại, đã thấp thoáng những yếu tố mang tính hậu hiện đại (mà chúng tôi sẽ phân tích và đề cập tới ở những chương sau). Sự xuất hiện dù chỉ thấp thoáng của các yếu tố hậu hiện đại mới mẻ này chính là những điều kiện thuận lợi để giới cầm bút Việt Nam có thể tiếp cận toàn diện với Chủ nghĩa Hậu hiện đại thế giới.

Trong phạm vi luận văn chúng tôi đề cập đến những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại trên hai khía cạnh: nội dung và hình thức. Ở phần nội dung chúng tôi đi sâu phân tích, tìm hiểu về một số nhà thơ nữ và một số biểu tượng nghệ thuật

trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Ở phần hình thức chúng tôi phân tích về cấu trúc thơ (thơ tự do và thơ văn xuôi), ngôn ngữ và cách thức “trình diễn” mới của thơ đương đại.

CHƯƠNG 2

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ MẶT NỘI DUNG

2.1. Cái “tôi” trữ tình

2.1.1. Định nghĩa cái “tôi” trữ tình

Khái niệm *cái tôi* là một khái niệm có nội hàm rộng đến nỗi khó xác định được toàn bộ ý nghĩa của nó. Cái tôi cá nhân vừa có ý nghĩa bản thể bất biến vừa mang tính xã hội – lịch sử và vận động phát triển qua các thời đại.

Cái tôi trữ tình có thể hiểu là sự thể hiện một cách nhận thức và cảm xúc đối với thế giới và con người thông qua lăng kính cá nhân của chủ thể và thông qua việc tổ chức các phương tiện của thơ trữ tình, tạo ra một thế giới tinh thần riêng biệt, độc đáo, mang tính thẩm mỹ, nhằm truyền đạt năng lượng tinh thần ấy đến người đọc.

2.1.2. Cái “tôi” trữ tình đương đại

Sau 1975, bên cạnh góc nhìn xã hội, con người đã được văn học khám phá và thể hiện bằng quan điểm bản thể luận. Đó là con người như một thế giới phong phú, phức tạp và là con người thực với những đam mê, dục vọng thường tình, những khắc khoải về số phận, những cảm xúc gần gũi, đời thường. Thơ trữ tình giai đoạn này là sự bùng nổ ý thức về cái tôi cá nhân. Trong bản chất, mỗi con người là một vũ trụ thu nhỏ, trong đó phản ánh và tồn tại toàn bộ thế giới hiện thực và tất cả những thời đại lịch sử lớn. Trong chiều sâu của chính mình, con người mới tìm thấy chiều sâu của các thời đại, các tầng bí ẩn thâm kín nhất. Phải kể đến những cái tên: Lê Minh Quốc, Trần Mạnh Hảo, Hoàng Hưng, Nguyễn Quang Thiều, Mai Văn Phan, v.v...

Nhưng nổi bật hơn cả phải kể đến dòng thơ trữ tình của những nhà thơ nữ, từ thế hệ của Xuân Quỳnh, Đoàn Thị Lam Luyến, Phan Thị Thanh Nhàn... cho tới Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Dạ Thảo Phương, Trương Quế Chi... Những gương mặt thơ này đã góp phần làm phong phú diện mạo thơ đương đại, và cũng chính là một biểu hiện nổi bật của xu hướng hậu hiện đại trong thơ ca.

2.1.3. Tiếng nói “nữ quyền” của thơ đương đại

2.1.3.1. “Nữ quyền luận” và tiếng nói nữ quyền trong văn học – một biểu hiện của chủ nghĩa hậu hiện đại

Từ thời điểm hình thành, tiên phong từ hậu thế chiến thứ II cho đến nay, chủ nghĩa nữ quyền đã trải qua ba giai đoạn phát triển cơ bản. Ở trong phạm vi nghiên cứu của luận văn này, chúng tôi quan tâm nhiều đến giai đoạn phát triển thứ ba, giai đoạn cao trào từ thập niên 80, 90 của thế kỷ trước. Tác giả tiêu biểu là Doris Lessing, người Anh, sinh năm 1919 với tác phẩm đoạt giải Nobel văn học *The golden Notebook* (*Cuốn sổ tay vàng*) – được coi như là bản tuyên ngôn của chủ nghĩa nữ quyền. Tiếp sau đó là hàng loạt những tên tuổi từ Đông sang Tây với những sáng tác mang đầy văn phong nữ tính và được ca ngợi trên khắp thế giới như *Tình ơi là tình* của Elfriede Jelinek, *Người tình* của Marguerite Duras, hay những tác phẩm *Điên cuồng như Vệ Tuệ*, *Baby Thượng Hải*... của nữ tác giả Trung Quốc Vệ Tuệ.

Nhìn lại nền văn học Việt Nam đương đại cũng không nằm ngoài dòng chảy chung đó. Văn học nữ quyền bắt đầu bám rễ với những tác giả tiêu biểu như Đỗ Hoàng Diệu (*Bóng dè*), Võ Thị Hảo (*Người sót lại của rừng cười*), Phạm Thị Hoài (*Năm ngày*)... Và đặc biệt phải kể đến thơ với sự bùng nổ của các tác giả nữ như Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Dạ Thảo Phương, Trương Quế Chi, nhóm Ngựa trời với 5 nhà thơ nữ Lynh Barcadi, Khương Hà, Thanh Xuân, Phương Lan, Nguyệt Phạm, v.v...

2.1.3.2. Thơ nữ đương đại qua một số gương mặt

Xét trong hàng loạt những cây bút nữ trẻ xuất hiện từ 1990 trở lại đây, không thể không kể đến Vi Thùy Linh. Cho đến nay, quả thực thi đàn Việt Nam vẫn chưa có tác giả nữ nào

gây được sóng gió trong đời sống văn học lớn như cô. Tập thơ đầu tiên *Khát* ra đời khi Linh mới 18 tuổi đã để lại dấu ấn tên tuổi của cô trên thi đàn. Nhiều người cho rằng sự xuất hiện của thơ Vi Thùy Linh đã đem lại luồng khí mới cho thơ ca Việt Nam, hứa hẹn một cuộc cách tân mạnh mẽ và triệt để, là lý do để chúng ta tin tưởng vào “một thời đại mới trong thi ca”. Và thực tế, Vi Thùy Linh là một trong những nhà thơ trẻ có tài, dám làm, dám dấn thân trên con đường đổi mới thơ ca: *Dấn thân – đó là thách thức*. Sau *Khát*, lần lượt những tập thơ *Linh*, *Đồng tử* xuất hiện và đều gây được sự chú ý trong dư luận. Tên tuổi cô không bị mờ nhạt đi trên con đường đổi mới của thơ ca

Vi Thùy Linh là một hiện tượng lạ trong thơ Việt Nam hôm nay. Nhiều người lên tiếng ủng hộ, cho rằng đó là giọng thơ mới, đầy trần trụi, khám phá, khát vọng được yêu, được sống, phá vỡ mọi thói quen đã cũ mòn. Nhưng cũng nhiều người cho rằng đó là tiếng thơ “nổi loạn”, “thác loạn”, “tục tĩu”... Dù còn nhiều những mâu thuẫn trong một hồn thơ mới và ít nhiều non trẻ, nhưng Vi Thùy Linh cũng đã và vẫn được xem như nhà cái mốc lớn của “thơ Trẻ” mà người đọc cũng như giới phê bình không thể bỏ qua.

Trong số những nữ thi sĩ hôm nay, Phan Huyền Thư vẫn được xem như là một cây bút đầy bản lĩnh, sắc sảo với giọng thơ “giểu cợt”, “tung tung”. Từ tập thơ đầu tiên *Nằm nghiêng* cho đến *Rõng ngực*, người đọc thấy được một Phan Huyền Thư trưởng thành và đầy bản lĩnh trong sáng tác. Không quá ồn ào, thơ Phan Huyền Thư đi vào chiều sâu với những cảm nhận tinh tế về cuộc sống mới nơi đô thị

Giọng thơ mang cái lơ đãng gần như đến vô tình, nhưng trong đó là một trái tim đa mang và nhạy cảm trước cuộc đời nhiều bất trắc cho người phụ nữ. Sau này, tính “hậu hiện đại” trong thơ Phan Huyền Thư xuất hiện rất nhiều trong *Rõng ngực* với những *Lãng mạn giải lao*, *Thất vọng tạm thời*... Tuy nhiên, trong hành trình tìm kiếm những giá trị mới cho thơ và nỗ lực cách tân chính mình, thơ Phan Huyền Thư cũng nhiều lúc quá làm duyên, rơi vào lên gân.

Phan Huyền Thư và Vi Thùy Linh là hai gương mặt thơ tiêu biểu cho thế hệ cuối những năm 90 và đầu thế kỷ XXI. Họ là những nhà thơ nữ đi đầu cho một cuộc cách tân thơ táo bạo và quyết liệt ở phía Bắc. Mới đây, ở phía Nam có một “làn sóng thơ nữ” Sài Gòn – một định danh báo điện tử eVan.vnExpress gắn cho một loạt những cây bút mới đang sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh vài năm qua. Họ là những cô gái tuổi đời ngót nghét 25, viết không quá 2-4 năm, sáng tác chủ yếu trên báo điện tử, có một tập thơ xuất bản chung *Dự báo phi thời tiết*. Có những ý kiến khen chê và tranh luận khác nhau, nhưng cuối cùng, chúng ta phải thừa nhận đó là một giá trị, một đóng góp, một nỗ lực trong việc cách tân thơ Việt hiện nay.

Nhìn chung, thơ Việt Nam từ 1990 đến nay đã có nhiều thay đổi, vận động trong nội dung, nhất là các cách thể hiện cái tôi trữ tình. Những nỗ lực của các nhà thơ đương đại đã và đang đem đến một diện mạo đa chiều cho thơ Việt. Đời sống tâm hồn của người Việt được soi chiếu dưới nhiều góc độ, đem đến những cảm nhận mới cho người đọc. Các hướng tiếp cận ngày một hiện đại đưa thơ Việt tiệm cận gần hơn với tinh thần của thơ thế giới. Trong xu hướng đó, những tiếng nói của thơ nữ đang là một biểu hiện nổi bật của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại. Các nhà thơ nữ với tâm hồn sâu sắc, nhạy cảm đặc biệt mang dấu ấn giới tính của mình đã thổi vào thơ đương đại những luồng gió mới. Đi sâu khai thác đời sống tinh thần phong phú của người phụ nữ về tình yêu, tình dục, về những khát vọng sống, tư duy về con người, cuộc đời, thế sự... thậm chí vươn cao hơn đến những vấn đề triết lý, nhân sinh, thời đại. Tuy nhiên, bị hạn chế trong thế giới giàu cảm xúc, thiếu lý tính nên đôi khi thơ nữ đương đại rơi vào thái quá. Hoặc khi đề cập đến những vấn đề lớn lại bị lên gân, gượng gạo. Mặc dù vậy chúng ta cũng không thể phủ nhận những đóng góp to lớn của các nhà thơ nữ đối với nền thơ đương đại Việt Nam. Họ đã góp phần không nhỏ trong quá trình nỗ lực đưa thơ Việt chuyển động và phát triển.

2.2. Những thay đổi về tư tưởng thẩm mỹ

2.2.1. Định nghĩa về biểu tượng nghệ thuật

Trong nghĩa rộng, biểu tượng là đặc trưng phản ánh cuộc sống bằng hình tượng của văn học nghệ thuật. Theo nghĩa hẹp, biểu tượng là một phương thức chuyển nghĩa của lời nói hoặc một loại hình nghệ thuật đặc biệt có khả năng truyền cảm lớn vừa khái quát được bản chất của một hiện tượng nào đấy, vừa thể hiện một quan niệm, một tư tưởng hay một triết lý sâu xa về con người và cuộc đời (*Từ điển thuật ngữ văn học* – Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi). Biểu tượng nghệ thuật chính là một hệ chiếu để giải mã những tác phẩm thơ hậu hiện đại.

2.2.2. Từ tư tưởng thẩm mỹ tới biểu tượng nghệ thuật và phong cách nhà thơ Nguyễn Quang Thiều

Trong phạm vi luận văn này, chúng tôi xin phép chỉ đi vào khảo sát biểu tượng lửa – cánh đồng, cặp biểu tượng – mã kép trong thơ Nguyễn Quang Thiều qua bốn tập thơ *Sự mất ngủ của lửa*, *Những người đàn bà gánh nước sông*, *Nhịp điệu châu thổ mới* và *Bài ca những con chim đêm*.

2.2.2.1. Biểu tượng “lửa”

Trong thơ Nguyễn Quang Thiều “lửa” chủ yếu xuất hiện mang biểu trưng cho những gì âm áp, quen thuộc và gần gũi. Đó là ngọn lửa xuyên thấu, ngọn lửa của sự hấp thụ chứ không phải ngọn lửa của hủy diệt.

Ngọn lửa đôi khi gọi lại nỗi nhớ, gọi lại ký ức buồn trong tâm hồn nhà thơ. Nỗi buồn giờ đây không còn là một “cánh muỗi” mỏng trong đêm nữa, mà trở nên một ngọn lửa nhỏ âm ỉ và bỏng rát trong tâm hồn.

Quan niệm thơ là hơi thở của đời sống, là những vẻ đẹp giản đơn toát lên từ chính những gì chúng ta thấy hàng ngày, ngay từ *Sự mất ngủ của lửa*, Nguyễn Quang Thiều đã nói lên tuyên ngôn nghệ thuật ấy của mình *Ta không thể nuôi nhau bằng những ánh sao trời*. Trung thành với quan điểm ấy, ta không tìm thấy những dòng thơ ưa sử dụng các từ mang tính khoa trương, to lớn ngay cả khi thơ truyền tải những vấn đề lớn về đời sống trong những sáng tác của Nguyễn Quang Thiều. Thơ anh ngân lên nhẹ nhàng, âm áp và sâu lắng như ngọn lửa âm ỉ cháy trong viên than hồng chỉ đợi một cơn gió làm cho bùng lên mạnh mẽ. Bởi tính cô đơn, đặc tính này mỗi ngày một rõ hơn trong quá trình sáng tác về sau này của Nguyễn Quang Thiều, nên chúng ta thường thấy hình ảnh lửa với nền hay ngọn đèn. Ít thấy có những lúc lửa cháy bùng lên mạnh mẽ. Tuy nhiên, khi có ngọn lửa rực cháy thì đó thường lại là những ngọn lửa của điều thiêng, ngọn lửa hùng hực và ngọn lửa gây hỏa hoạn. Điều đó cho thấy một tinh thần luôn hướng tìm đến cái tuyệt đích của nhà thơ.

2.2.2.2. Biểu tượng “cánh đồng”

Trong thơ Nguyễn Quang Thiều, biểu tượng “cánh đồng” trở thành một mạch ngầm như sợi dây tinh thần thể hiện thẩm mỹ và quan niệm sống của nhà thơ. Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên, nhiều người đã gọi anh là nhà thơ “tròn lo âu về lại cánh đồng”. Cánh đồng là nơi bình yên để tìm về, là nơi lưu giữ những ký ức đẹp của tuổi thơ. Cao đẹp hơn, nó còn là nơi thanh sạch của cố hương để tẩy rửa tâm hồn, để có được một nơi chốn bình yên trong đời sống mà những giá trị trái ngược nhau đang bị đảo lộn.

Trở về với ý nghĩa tượng trưng từ ngàn xưa của nó, cánh đồng là nơi hứa hẹn cho những gì vô biên, cho sự giàu có, sinh sôi, nảy nở, cho tình yêu và tuổi trẻ. Rất nhiều lần, Nguyễn Quang Thiều nói về sự gieo gặt và mạch sống âm thầm chờ đợi được khai phá, được cây xới và bật tung lên. Nhà thơ vẽ lên một bức tranh đầy nhiệm màu về sự gieo hạt mang cảm hứng vũ trụ và tràn trề hi vọng cho một mùa bội thu.

Trên phương diện tư tưởng, ta thấy có sự gặp gỡ giữa tư duy của Nguyễn Quang Thiều trong việc sử dụng các biểu tượng với tư duy văn hóa mang tính lịch sử của nhân loại. Có lẽ vì vậy mà Nguyễn Quang Thiều là một trong số ít những tác giả được dịch thơ khá nhiều ở nước ngoài. Không phải bởi thơ anh là lối thơ “lơ lớ giọng Tây”, hay lối thơ đánh đố... mà bởi ở đó, các nền văn hóa gặp gỡ nhau trong việc nhìn nhận một thực thể tự nhiên và đời

sống dưới những “mã hóa” đồng nhất. Việc sử dụng các biểu tượng như chúng tôi khảo sát trong phạm vi luận văn này – lửa và cánh đồng – trong thơ không phải là việc làm mới. Chưa nói rằng các biểu tượng này đã cũ trong những sáng tác của các nhà thơ Việt Nam. Nhưng tuyệt nhiên, nó mới ở chỗ phá bỏ những quy ước cũ trong đời sống cộng đồng nông nghiệp và thôn quê nhỏ hẹp của người Việt, để bước ra một phạm vi ngôn ngữ và ý nghĩa tượng trưng lớn hơn. Nó nằm vào vùng chung của các “mã văn hóa” thế giới. Ở đó, bất kỳ một dân tộc nào cũng có thể hiểu được những ký hiệu ngôn ngữ của dân tộc khác mà không cần phải có sự trải nghiệm về lịch sử. Đây cũng chính là một yếu tố quan trọng đem đến thành công cho Nguyễn Quang Thiều trong việc “đem thơ đi đánh xứ người”. Các biểu tượng trên cùng gắn bó với các biểu tượng khác (cây, những con bò, côn trùng, hoa, cỏ, bóng đêm...) trong thơ Nguyễn Quang Thiều tạo nên tính thống nhất của văn bản và tư duy sáng tạo của nhà thơ. Nó cho thấy con đường sáng tạo không phải là con đường đơn giản và dễ dàng. Nó đòi hỏi sự lao động, hi sinh cho nghệ thuật một cách nghiêm túc và đầy gian khổ. Trên con đường đó, người nghệ sĩ có thể đón nhận thành công hay thất bại, nhưng đích cuối cùng mà anh ta nhận được chính là ý nghĩa đích thực của đời sống và cái Đẹp.

CHƯƠNG 3

NHỮNG BIỂU HIỆN VỀ MẶT HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT

3.1. Cấu trúc thơ

3.1.1. Thơ tự do

Trong cuốn *Văn học sau 1975 – những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, các tác giả đã đưa ra nhận định rằng tính hiện đại trong thơ gắn liền với sự hiện diện mang tính áp đảo của thơ tự do và thơ văn xuôi so với các thể loại khác. Và quả thực vậy, thơ tự do, thơ văn xuôi giờ đây đã tràn ngập đời sống thơ ca đương đại, trở thành một phần tất yếu!

Thơ tự do xuất hiện rất sớm ở các nước phương Tây: Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Nga... và bùng phát mạnh mẽ từ sau Thế chiến thứ hai, như là một cách giải thoát những áp lực, những dồn nén bức bách được tích lũy trong thời tao loạn. Ở Việt Nam, thơ tự do manh nha vào những năm 30 của thế kỷ XX. Ngay từ những sáng tác của Tân Đà, các bài thơ từ khúc đã có dáng dấp, cách điệu thơ tự do dù chưa thể vươn lên một hình thức thơ tự do như ở thời kỳ sau này. Một số nhà thơ khác cũng có những bài thơ tự do như Thế Lữ (*Tiếng trúc tuyệt vời*), Lưu Trọng Lư (*Xuân về*), Nam Trân (*Mùa đông*),... Thơ tự do thời kỳ này là thơ tự do có vần, giàu nhịp điệu. Sự ra đời của thể thơ tự do trong giai đoạn Thơ Mới thực chất là một sự phản ứng lại với những kiềm tỏa, gò bó, kìm nén quá lâu của thơ ca cách luật, là sự giải tỏa những tình cảm, cảm xúc chất chứa trong lòng. Khi mới ra đời, phong trào Thơ Mới cổ động rầm rộ cho hình thức thơ tự do. Nhưng thực tế sáng tác cho thấy, thơ tự do chỉ chiếm tỉ lệ rất thấp so với các thể loại thơ khác.

Đến giai đoạn hai cuộc kháng chiến, thơ tự do đã có những bước tiến đáng kể. Theo thống kê của nhà nghiên cứu Phạm Quốc Ca trong:

- Thơ Việt Nam, 1945 – 1975: có 119/ 214 bài tự do.

- Thơ Việt Nam, 1975 – 2000: có 645 bài tự do và 06 bài văn xuôi/ 1144 bài.

Với những ưu thế của mình, thể thơ này có vẻ rất thích hợp trong việc chuyển tải những vấn đề của đời sống hiện đại. Thơ tự do không chỉ là sự phản kháng đối với thơ niêm luật mà còn thể hiện tham vọng muốn chuyển tải được nhịp điệu thời đại và giọng điệu của nhà thơ hiện đại. Thực tính tự do biểu hiện trên mọi bình diện, từ cảm xúc đến tư duy, từ hình tượng đến cấu tứ, từ ngôn ngữ đến nhịp điệu, giọng điệu. Thơ tự do có tính thích ứng cao trong việc mở rộng phạm vi phản ánh hiện thực và tăng cường chất nghị luận cho thơ. Bởi không hạn định về số câu, số dòng trong bài, số chữ trong câu nên các nhà thơ cũng không có thiên hướng chăm chú giữa got để tạo nên những thần chú, nhãn tự như trong thơ có niêm luật rõ ràng. Ngược lại, họ gia công nhiều hơn trong việc sáng tạo hình ảnh, chuỗi hình ảnh. Xu hướng cách tân một cách triệt để phải kể đến: Hoàng Hưng, Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Quỳn,

Mai Văn Phấn, Văn Cầm Hải, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư... Theo hướng này, thơ tự do tiến tới hình thức cực đại (số lượng âm tiết kéo dài không hạn định, dung tích câu thơ mở rộng, giãn nở thoải mái, hình ảnh lớp lang, trùng điệp) và cực tiểu (số lượng câu chữ bị giảm thiểu tới mức tối đa, dồn nén cao độ, liên tưởng nhanh, đột ngột, bất ngờ). Có thể kể ra đây những hình thức điển hình của thơ tự do như: 1. Thơ không viết hoa đầu dòng, vát dòng, ngắt dòng, không tuân theo một quy tắc nào về vần luật, nhịp, số câu, số chữ. Thơ tự do là phương tiện hữu hiệu để biểu đạt thế giới của những giấc mơ nhập nhòa, không đầu, không cuối. 2. Thơ có tính kể chuyện, tình tiết, ý tưởng lớp lang như một văn bản tự sự. 3. Thơ có tính đối thoại. 4. Tổ chức bài thơ theo kiểu lắp ghép, tổ hợp, tổ khúc mang dấu ấn âm nhạc, hội họa, kiến trúc và nghệ thuật sắp đặt. Cách tổ chức bài thơ theo kiểu lắp ghép, cắt dán, mang dấu ấn copy, giễu nhại của chủ nghĩa hậu hiện đại. Với tuyên ngôn “không làm thơ”, Bùi Chát đã xuyên tạc những bài thơ vốn được xem là điển phạm: *Thời hoa đỏ*, *Đau đớn thay đời*... khiến không ít người không thể chấp nhận. Bên cạnh đó là những bài thơ mang dấu ấn của kiến trúc, âm nhạc, hội họa và nghệ thuật sắp đặt. Điều này tạo nên nhiều thú vị, bất ngờ cho người đọc khi không chỉ cảm nhận nội dung mà còn được thỏa mãn bởi “không gian” mà bài thơ mang đến.

Thơ tự do mở ra khoảng không vô tận cho những ý tưởng sáng tạo: triển khai bài thơ theo hướng tạo hình, đề cao vai trò của trực giác, vô thức, xóa bỏ những vần luật, cú pháp, thực hiện một thứ tự do không giới hạn cho ngôn ngữ, hình ảnh, không cần nhịp, không ngắt câu, đôi khi không quan tâm đến nghĩa, kết hợp các thủ pháp hiện đại như đồng hiện, gián cách, phân mảnh... Những đặc điểm này thể hiện rõ nhất ở các nhà thơ viết theo khuynh hướng chủ nghĩa hậu hiện đại. Theo đà phát triển, thơ tự do sẽ còn tiến xa hơn nữa và đạt được nhiều thành công hơn nữa. Mặc dù vậy trong sự vận động tìm tòi đó, đôi lúc các nhà thơ tự do vô tình đã đánh mất đi sự giản dị - cái đẹp nhất của thơ ca. Quá đề cao hình thức, thơ đi vào lối rẽ khó hiểu, xa rời độc giả mà quên mất rằng thơ ca đầu tiên là tiếng nói của tâm hồn đến với tâm hồn.

3.1.2. Thơ văn xuôi

Thơ văn xuôi là một hình thức thơ tự do viết bằng văn xuôi. Trên thế giới, nó đã tồn tại hơn một thế kỷ nay với những tên tuổi như Whitman, Baudelaire, Valery, Tagore... Ở Việt Nam, lịch sử phát triển của thơ văn xuôi vô cùng mỏng manh và liên tục bị gián đoạn. Thơ văn xuôi bắt đầu manh nha vào đêm trước của thơ mới với: *Giọt lệ thu* (Tương phổ), *Linh Phương ký* (Đông Hồ), *Tình già* (Phan Khôi). Vào những năm 40 của thế kỷ XX, ý thức về thơ văn xuôi mới rõ nét hơn ở Phan Văn Hạnh và Nguyễn Xuân Sanh. *Đất thơm*, *Giọt sương hoa* là những thể nghiệm hiếm hoi của họ. Gián cách đến mười năm sau mới lại có một số tác phẩm của Chế Lan Viên, Huy Cận. Nhưng phải đến năm 1964, Xuân Diệu viết tiểu luận *Vài ý kiến về thơ văn xuôi* (Văn nghệ, số 88, ngày 01/01/1965) thì lần đầu tiên, thơ văn xuôi mới được chú ý với tư cách một thể loại, được bàn đến một cách khoa học và sâu sắc.

Nhìn chung, thơ văn xuôi vẫn còn là một phạm trù xa lạ, ít được phổ cập trong tâm lý tiếp nhận và sáng tác ở Việt Nam. Nhưng trong khoảng hơn chục năm trở lại đây, hình thức này đã và đang trở thành một thể thơ quen thuộc của nhiều tác giả đương đại, nhất là ở những cây bút trẻ có ý hướng cách tân, thể nghiệm như: Đặng Đình Hưng, Mai Văn Phấn, Hoàng Hưng, Nguyễn Quang Thiều, Trần Tiến Dũng, Nguyễn Bình Phương, Vi Thùy Linh... Thơ văn xuôi chính là sự xóa bỏ ranh giới giữa thơ và văn xuôi.

Trong thơ văn xuôi hôm nay, chất tiểu thuyết, chất truyện, kịch xuất hiện ngày càng rõ nét: gia tăng yếu tố tự sự (tình huống, lời kể, cốt truyện, nhân vật); phân chia bài thơ thành các cảnh, các lớp; bài thơ có mở đầu, diễn biến, kết thúc hoặc được chia thành các chương, đoạn; cấu trúc phức hợp, đa thanh, nhiều bề, giàu tính đối thoại (*Đồng hồ vĩnh cửu* – Nguyễn Lương Ngọc, *Cuộc đối thoại của nước* – Dạ Thảo Phương, *Vịt bay* – Vi Thùy Linh, *Giấc mơ* – Phan Huyền Thư...). Có thể thấy rõ những ảnh hưởng của âm nhạc và sân khấu cổ điển trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Nhiều bài thơ của anh có cấu tạo như những tổ khúc, tổ hợp.

Các bài thơ được đánh số từ I đến hết hoặc được đặt tên như: *Nhân chứng một cái chết*, *Mười một khúc cảm*, *Những ví dụ*, *Chuyển dịch màu đen*... Thơ văn xuôi gây ấn tượng bởi lối kiến trúc bề thế, tầng lớp, hình ảnh ẩn dụ, đa nghĩa, giàu triết lý, ý tứ sâu sắc, cảm xúc tràn ngập. Nhưng bên cạnh đó cũng dễ khiến tác phẩm nặng nề, cầu kỳ, tạo cảm giác mệt mỏi, khó đồng cảm.

3.2. Ngôn ngữ và cách thức “trình diễn” thơ đương đại

3.2.1. Ngôn ngữ thơ đương đại

Ngay từ những sáng tác thơ từ sau 1975, người đọc đã dần làm quen với những cách sử dụng ngôn ngữ đời thường của nhà thơ. Đi từ khát vọng muốn tiếp cận ngày càng gần hơn với đời sống trần trụi, gai góc, thơ ca không còn có thể biểu hiện chỉ bằng những ngôn ngữ mỹ lệ, giàu chất thơ. Thứ ngôn ngữ dề dãi, trang nhã, mực thước đã mất dần ngôi vị thống soái. Nhưng ban đầu, việc sử dụng ngôn ngữ đời thường chỉ là một phương tiện hỗ trợ cho nhà thơ trong quá trình tiếp cận hiện thực, đưa thơ đi xa khỏi quỹ đạo hàn lâm.

Từ thứ ngôn ngữ “vía hè”, “com bụi” này cho đến thứ ngôn ngữ phi thơ, phi thẩm mỹ của các nhà thơ theo xu hướng hậu hiện đại là cả một bước đi dài. Đến họ, ngôn ngữ đã tiến một bước dài từ đời thường hóa đến trần tục hóa và thô tục hóa. Bằng cách của mình, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Trần Tiến Dũng, Phan Nhiên Hạo, Nguyễn Quốc Chánh, Lynch Bacardi... và đặc biệt là nhóm Mở miệng đã gây hấn với những ý niệm quen thuộc về ngôn ngữ thơ.

Nhưng bên cạnh đó phải kể đến những nhà thơ coi sáng tác là cuộc lao động nghệ thuật đòi hỏi những trăn trở và tìm tòi sáng tạo, để ghi tên mình trong lòng độc giả và trên hành trình cách tân thơ Việt như: Mai Văn Phấn, Nguyễn Quang Thiều, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh, Nguyễn Bình Phương, Inrasara... Miệt mài trên con đường đổi mới ngôn ngữ thơ ca để biểu đạt ngày càng cao hơn thế giới tâm hồn phức tạp của con người và đời sống đang ngày càng biến động không ngừng, những nhà thơ này đặt sự giản dị, trong sáng của ngôn ngữ lên trên hết. Bởi nếu ngôn ngữ thơ yếu kém về mặt chất lượng thì không thể biểu đạt đúng tư tưởng của người sáng tác, đương nhiên cũng không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó trong sự phát triển của văn học dân tộc. Vì thế, ngôn ngữ thơ dù có tự do hóa và hiện đại hóa đến đâu cũng cần phải hướng tới chân - thiện - mỹ. Hướng về con người mới là ngôn ngữ chuẩn mực tiếng Việt chứ không thể là thứ ngôn ngữ thơ đi ngược lại với dòng chảy của tính người và tình người. Thơ ca cho dù ở thời đại nào đi nữa, sẽ vẫn luôn là những điều dung dị và gần gũi, dễ hiểu nhất.

3.2.2. Những cách thức “trình diễn” mới của thơ

“Trình diễn” thơ, cụm từ chỉ mới xuất hiện vài năm trở lại đây trong đời sống văn học Việt Nam nhưng tìm về với tiến trình lịch sử văn học nước ta qua hàng trăm năm có thể thấy nó đã tồn tại từ rất lâu. Nhưng nếu trước đây, “trình diễn” thơ chỉ là những cuộc thơ bên bàn rượu, các nhà thơ gặp nhau, cao hứng ngâm nga những câu thơ của mình, để lại bao nhiêu giai thoại hài hước có, lãng mạn, thanh tao cũng có... Thì ngày nay, cuộc sống thay đổi và lối “trình diễn” thơ cũng đã khác nhiều.

Ở các nước Âu Mỹ, từ sau Thế chiến thứ hai, các nhà thơ ngày càng coi trọng đọc thơ trước công chúng. Lịch sử thơ Mỹ còn ghi nhận buổi đọc thơ tại Gallery Six ở San Francisco năm 1955, Allen Ginsberg đọc bài trường ca *Hú*, làm cử tọa phát rồ, ghi dấu ấn hình thành thời kỳ thơ mới của Mỹ - thời kỳ thơ “trình diễn”. Việc đọc thơ đã phát triển thành trình diễn thơ, nhiều nhà thơ đã trở thành người trình diễn mang tính chuyên nghiệp. Từ trình diễn thơ, thơ Mỹ đã phát triển thành riêng một loại hình thơ mới chuyên về trình diễn và có vị trí hết sức quan trọng trong sinh hoạt thơ ở quốc gia này từ mấy chục năm nay. Ý tưởng và thực hành trình diễn thơ kiểu đương đại mới du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ XXI.

Thế nhưng, có thể thấy một thực trạng hiện nay trong đời sống thơ ca đương đại ở Việt Nam là sự kết hợp thái quá những loại hình nghệ thuật với trình diễn thơ. Bản thân thơ đã mang tính nhạc, tính hội họa, tính sân khấu... là sự cảm nhận hơn là ngắm, nhìn, xem... Vậy thì việc tăng cường các hiệu ứng âm thanh, ánh sáng, hình ảnh, hình thể... chỉ có thể là một

cách để hỗ trợ cho sự cảm nhận hơn là lấn át nó. Đối tượng người nghe, người xem đã bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Các màn trình diễn hầu như chỉ là bản năng, theo chủ quan của tác giả, chưa thực sự đến được với khán giả.

Nhìn chung, thơ ca đương đại vẫn đang trên con đường tìm kiếm những cách tân để giữ chân độc giả, để tìm lại vị trí thiêng liêng từng có và để dần tiến tới hòa nhập với nền thơ ca thế giới. Những biểu hiện về mặt hình thức mà chúng tôi vừa khảo sát chính là những “dấu ấn” Hậu hiện đại mà có lẽ ngay chính người sáng tác cũng có thể chưa nhận ra. Tuy nhiên, nó vẫn xuất hiện đâu đó trong các sáng tác đương đại và ngày càng có khuynh hướng xuất hiện với tần suất nhiều hơn. Độc giả hôm nay cũng không còn quá ngỡ ngàng, xa lạ với những thay đổi này. Giới phê bình cũng không còn quá nhiều bất đồng, tranh cãi về cái hay, cái dở. Đổi thay là tất yếu! Nhưng giá trị của nó cần phải được kiểm chứng qua thời gian. Hành trình tìm lối đi mới cho thơ đương đại Việt Nam là một hành trình còn dài và đầy gian nan. Dầu sao, bên cạnh những hạn chế, chúng ta không thể phủ nhận những giá trị tích cực mà nó mang lại cho nền văn học Việt Nam nói chung và thơ ca nói riêng.

KẾT LUẬN

1. Đời sống hiện đại hôm nay đã hơn một lần đặt ra câu hỏi: liệu thơ ca có thể tồn tại, hay đang chết? Trong nhiều năm trở lại đây, những tập thơ, những sáng tác mang đậm hơi thở “đương đại” đã được công nhận một cách chính thống bằng các giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam như *Sự mất ngủ của lửa*, *Bầu trời không mái che...* và mới đây nhất là *Hoan ca*. Trước những thay đổi đó của đời sống sáng tác, có thể thấy thơ ca không chết, mà nó đang chuyển động dữ dội để phát triển và hòa cùng với “dòng chảy” của thơ ca thế giới.

2. Thực tế thì trên thế giới, thơ cũng đang quẫy đạp dữ dội để có những sáng tạo mới, tìm thấy vẻ đẹp mới. Thơ ca thế giới đang nỗ lực để tìm lại chỗ đứng quan trọng vốn có xuyên suốt chiều dài lịch sử nhân loại. Ở Việt Nam, dù đã có lúc người ta quay lưng lại với thơ, thì hôm nay, khi đời sống vật chất, tinh thần đã có những ổn định và phát triển thì người ta đang dần tìm cách để quay trở lại với thơ. Nổi bật nhất trên thi đàn Việt Nam chính là những tiếng nói mới của các nhà thơ nữ. Họ đang từng bước khẳng định được vị trí quan trọng của mình trong đội ngũ sáng tác. Tiếng nói của họ đã gần với tiếng nói thơ Hậu hiện đại thế giới trong những chủ đề mà họ đề cập đến. Đáng kể nhất là thơ Vi Thùy Linh với rất nhiều lần tham dự những liên hoan thơ quốc tế. Và chị cũng là một trong số hiếm hoi các nhà thơ Việt đương đại có tác phẩm được dịch.

Trong sự vận động thay đổi của đời sống tinh thần của thơ đương đại phải kể đến thế giới thơ Nguyễn Quang Thiều. Chúng tôi đi vào khảo sát tác giả này không chỉ bởi đây được xem là cây bút xuất sắc của thơ đương đại, mà còn bởi sức sáng tạo không mệt mỏi và “dòng chảy” thơ ca mãnh liệt của anh đủ sức đại diện cho một lớp thế hệ nhà thơ đang trên con đường đổi mới thơ ca.

Trong những nỗ lực cách tân thơ của các nhà thơ đương đại, chúng ta có thể thấy đang có một dòng chảy tìm đến với những mới lạ của phương thức thể hiện. Tất cả đều mới chỉ là “thử nghiệm”. Để khẳng định giá trị cần phải có thời gian. Và trên hết, dù cách tân đến đâu, thơ ca vẫn phải là tiếng nói của tâm hồn đi đến những tâm hồn đồng điệu. Sự giản dị mới chính là cái đẹp trác tuyệt.

3. Chúng tôi khảo sát những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại trên hai bình diện: nội dung và hình thức. Luận văn tập trung tìm hiểu khía cạnh nội dung qua giọng điệu thơ nữ và những biểu tượng nghệ thuật trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Bởi chúng tôi nhận thấy trong thời gian qua, đây là hai vấn đề ít nhiều gây tranh cãi, tạo được nhiều quan tâm, chú ý trên văn đàn. Hơn nữa những thử nghiệm, đóng góp của họ đã thực sự mang lại một diện mạo mới cho thơ Việt Nam đương đại.

4. Nghiên cứu về thơ đương đại cũng như đánh giá về những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ đương đại Việt Nam là một công việc khó khăn và không ít bức xúc.

Lý do vì hiện nay, cách tiếp cận tác phẩm của giới phê bình vẫn chưa thống nhất. Chính vì vậy, một cái nhìn khách quan, chính xác về triển vọng cũng như những hạn chế của thơ ca đương đại là vô cùng cần thiết và cũng hết sức khó khăn.

Chúng tôi cho rằng dù thế nào, những biểu hiện rõ nét mà chúng tôi đã phân tích ở trên đã cho thấy sức ảnh hưởng mạnh mẽ của Chủ nghĩa Hậu hiện đại đến thơ ca Việt Nam đương đại. Tích cực hoặc tiêu cực, hay hoặc dở, có giá trị hoặc không, tất cả đều phải chờ sự kiểm định của thời gian và của người đọc. Bởi sáng tạo là con đường đầy trở ngại của nghệ thuật. Để có được thành công, đòi hỏi ở người đọc thái độ thiện chí và sự cởi mở, đón nhận của giới phê bình.

5. Đề tài *Những biểu hiện của Chủ nghĩa Hậu hiện đại trong thơ Việt Nam đương đại* là bước ban đầu để chúng tôi có thể tìm hiểu sâu hơn mạch vận động của nền thơ Việt Nam đương đại. Đối tượng nghiên cứu của đề tài còn nhiều biến động, hứa hẹn nhiều cơ hội cho người nghiên cứu. Chúng tôi xin đề xuất một số hướng nghiên cứu khác sau đây:

- Đi sâu nghiên cứu một biểu hiện cụ thể của Chủ nghĩa Hậu hiện đại có tính ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống sáng tác thơ đương đại.

- Nghiên cứu một hoặc một nhóm tác giả cụ thể trên phương diện lý thuyết Hậu hiện đại soi chiếu.

- Phân tích, đánh giá về trào lưu “nữ quyền” trong thơ đương đại Việt Nam,

- Thay đổi về thi pháp, hình thức thể hiện có phải là con đường cách tân đúng đắn cho thơ đương đại? ...

Như vậy, còn có rất nhiều vấn đề đáng quan tâm và nghiên cứu. Những vấn đề đó chỉ có thể được giải quyết trọn vẹn hơn ở những công trình nghiên cứu tiếp theo với quy mô sâu rộng hơn.

References

1. Lương An, Võ Thanh An, Hoài Anh, Ngô Văn Phú... sưu tầm (1999), *Tuyển tập thơ Việt Nam: Giai đoạn chống Mỹ cứu nước*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
2. Bùi Kim Anh giới thiệu và tuyển chọn (2001), *Các nhà thơ nữ Việt Nam: sáng tác và phê bình*, Nhà xuất bản Giáo dục.
3. Đào Tuấn Anh sưu tầm và biên soạn (2003), *Văn học hậu hiện đại thế giới – Những vấn đề lý thuyết*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
4. Vũ Tuấn Anh (1997), *Nửa thế kỷ thơ Việt Nam 1945 – 1995: Nhìn từ phương diện sự vận động của cái tôi trữ tình*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
5. Henri Bernac (2005), *Dẫn giải ý tưởng văn chương*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
6. Antonio Blach, Tạp chí Văn học số 9, 1991, *Vài suy nghĩ về cái gọi là tiểu thuyết hậu hiện đại*.
7. Phạm Quốc Ca (2003), *Mấy vấn đề thơ Việt Nam 1975 – 2000*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
8. Nguyễn Việt Chiến tuyển chọn, giới thiệu (2007), *Thơ Việt Nam – tìm tòi và cách tân (1975 – 2000)*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Công ty Văn hóa Việt.
9. Lê Đạt, Dương Tường (1989), *36 bài tình*, Nhà xuất bản Trẻ.
10. Lê Đạt (1994), *Bóng chữ*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
11. Lê Đạt, Văn nghệ số 34, 1994, *Chữ bầu lên nhà thơ*.
12. Trần Tiến Cao Đăng dịch (2006), Richard Appignanesi, Chris Gattat, Ziauddin Sardar, *Nhập môn Chủ nghĩa Hậu hiện đại*, Nhà xuất bản trẻ.
13. Lý Đợi, *Ba ý niệm nhỏ với thơ Việt!*
<http://www.tienve.org/home/literature/viewLiterature.do?action=viewArtwork&artworkId=577>

14. Nguyễn Hoàng Đức, *Dục tính – chân móng hay là đỉnh tháp của văn chương*, <http://www.tienve.org/home/viet/viewVietJournals.do?action=viewArtwork&artworkId=>
15. Dana Giorna, *Nhà thơ trong thời đại văn xuôi*, <http://thotanhinhthuc.org/old/THTHTML-N/NTNNTieuLNhaThoTrongThoiDaiVanXuoi.php> 1999
16. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nhà xuất bản Giáo dục.
17. Văn Cẩm Hải (1995), *Người đi chẵn sóng biển*, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.
18. Như Huỳnh dịch Cynthia Freeland, (2009), *Thế mà là nghệ thuật u?* Nhà xuất bản Tri thức.
19. Trần Mạnh Hảo, Báo Văn nghệ số 31, 1994, *Có một thời đại mới trong thi ca*.
20. Trần Mạnh Hảo, Văn nghệ Quân đội số 33, 34, 1994, *Nhân đọc “Bóng chữ”, bàn về chữ và nghĩa trong thơ*.
21. Trần Mạnh Hảo (1995), *Thơ phản thơ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
22. Trần Mạnh Hảo, Báo Quân đội Nhân dân cuối tuần số tháng 4, 2001, *Có nên nhân danh cách tân để kêu gọi thơ trẻ “nổi loạn”*.
23. Dư Thị Hoàn (1993), *Bài mẫu giáo sáng thế*, Nhà xuất bản Hải Phòng.
24. Dư Thị Hoàn (1988), Nhà xuất bản Hội Văn học Nghệ thuật Hải Phòng, *Lối nhỏ*.
25. Bùi Công Hùng (2000), *Sự cách tân của thơ văn Việt Nam hiện đại*, Nhà xuất bản Văn hóa Thể thao.
26. Cù An Hưng, Hoàng Hưng, Phan Nhiên Hạo dịch (2004), *15 nhà thơ Mỹ thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.
27. Đặng Đình Hưng (1991), *Bến lạ*, Nhà xuất bản Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
28. Đặng Đình Hưng (1993), *Người đi tìm mặt*, Nhà xuất bản Văn học Nghệ thuật.
29. Nguyễn Thanh Hùng, Báo Văn nghệ số 4, 1994, *Giá như thơ hôm nay*.
30. Hoàng Hưng, Báo Người Hà Nội số 15, 2003, *Thơ hậu hiện đại Mỹ*.
31. Hoàng Hưng dịch và giới thiệu. *Paul Hoover thơ hậu hiện đại Mỹ*, <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=917&rb=0101>
32. Khế Iêm, *Tân hình thức và câu chuyện kể*, <http://quochochue.net/forum/index.php?showtopic=19885>
33. Khế Iêm, *Vũ điệu không vắn tứ khúc và những tiểu luận khác*, <http://www.tienve.org/home/viet/viewVietJournals.do?action=viewArtwork&artworkId=285>
34. Inrasara (2002), *Lễ tẩy trần tháng tư*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
35. Inrasara (2006), *Chưa đủ cô đơn cho sáng tạo*, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội.
36. Inrasara, Báo Văn nghệ số 8, 2009, *Thơ đổi mới, một khởi đầu mới*.
37. Inrasara. *Thơ hậu đổi mới và... đang khủng hoảng*, <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=8326&rb=0101>
38. Kate Humberger (2004), *Logic học về các loại thể văn học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
39. Đình Kính, Báo Người Hà Nội số 9, 2003, *Thơ Mai Văn Phan một cách đi trong đổi mới*.
40. Lê Quý Kỳ, Báo Người Hà Nội, số 33, 2001, *Lại bàn về thơ siêu thực*.
41. Đông La (2001), *Biên độ của trí tưởng tượng*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
42. Đông La, *Chủ nghĩa hậu hiện đại và ảnh hưởng ở nước ta*, <http://vietbao.vn/Van-hoa/Chu-nghia-hau-hien-dai-va-anh-huong-o-nuoc-ta/20603117/184/>
43. Phong Lê, Vũ Văn Sỹ, Bích Thu (2002), *Thơ Việt Nam hiện đại*, Nhà xuất bản Lao động.
44. Vi Thùy Linh (2005), *Đồng tử*, Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh.
45. Vi Thùy Linh (2007), *Thơ Vi Thùy Linh*, Nhà sách Kiến thức.
46. Vi Thùy Linh (2007), *Khát*, Nhà sách Kiến thức.
47. Phạm Thị Ngọc Liên (2004), *Thức đến sáng và mơ*, Nhà xuất bản Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.

48. H.M.Lotman (2004), *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.
49. Ly Hoàng Ly (2005), *Lô lô*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
50. Nguyễn Đăng Mạnh chủ biên (2002), *Lịch sử văn học Việt Nam (tập 3)*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
51. Lê Thị Mây (1990), *Tặng riêng một người*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
52. Năm con ngựa trời (2005), *Dự báo phi thời tiết*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
53. Nhà xuất bản Hội Nhà văn (2007), *Lục giác sông Hồng: 60 bài thơ của 6 nhà thơ đương đại Việt Nam*.
54. Nhà xuất bản Giáo dục (2005), *Thơ Việt Nam thế kỷ XX: Thơ trữ tình*.
55. Nhà xuất bản Văn nghệ (2001), thành phố Hồ Chí Minh, *Về một dòng văn chương*
56. Phan Thị Thanh Nhân (1992), *Nghiêng về anh*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn..
57. Vương Trí Nhàn, Văn nghệ số 32, 1992, *Về những tìm tòi hình thức trong thơ gần đây*.
58. Ý Nhi (1985), *Người đàn bà ngồi đàn*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới.
59. Nhiều tác giả (1998), *Thơ tự do*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới.
60. Nhiều tác giả (2000), *Tuyển thơ tác giả nữ Việt Nam*, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội.
61. Vũ Nho (2009), *32 gương mặt thơ nữ*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
62. Hoa Níp, *Thơ đương đại (thơ dòng chảy) đang bỏ rất xa thơ-giáo-khoa (thơ trong nhà trường)*,
<http://vanchuongplusvn.blogspot.com/2012/02/hoa-nip-tho-uong-ai-tho-dong-chay-ang.html>
63. Phạm Xuân Nguyên, Tạp chí Nha Trang số 25, 1994, *Từ Thơ mới đến thơ hiện đại*.
64. Phạm Xuân Nguyên, Tạp chí Cửa Việt số 6, 1994, *Thơ rượu rắn quả là khó uống*.
65. Octavio Paz (1998), *Thơ văn và tiểu luận*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
66. Diêu Lan Phương, *Về Chủ nghĩa hậu hiện đại: Tản mạn về hậu hiện đại và đại tự sự trong văn học Việt Nam*,
http://www.bichkhe.org/home.php?cat_id=147&id=793&kh=76574a
67. Nguyễn Hưng Quốc (2005), *Văn học Việt Nam từ điểm nhìn hậu hiện đại*, Văn nghệ California.
68. Nguyễn Hưng Quốc, *Chủ nghĩa hậu hiện đại: Những mảnh nghĩ rời*,
<http://nguhu.blogspot.com/archive/2009/01/04/ch%E1%BB%A7-ngh%C4%A9a-h%E1%BA%ADu-hi%E1%BB%87n-%C4%91%E1%BA%Ai-%E2%80%94-nh%E1%BB%AFng-m%E1%BA%A3nh-ngh%C4%A9-r%E1%BB%9Di.html>
69. Nguyễn Hưng Quốc, *Chủ nghĩa h(ậu) hiện đại và văn học Việt Nam*,
<http://nguhu.blogspot.com/archive/2005/05/21/ch%E1%BB%A7-ngh%C4%A9a-h%E1%BA%ADu-hi%E1%BB%87n-%C4%91%E1%BA%Ai-va-v%E1%BB%8Dc-vi%E1%BB%87t-nam.htm>
70. Nguyễn Hưng Quốc, *Chủ nghĩa hậu hiện đại và những cái (cần) chết trong văn học*,
<http://www.tienve.org/home/activities/viewTopics.do?action=viewArtwork&artworkId=7875>
71. Nguyễn Minh Quân, *Chủ nghĩa hậu hiện đại: Những khái niệm căn bản*,
<http://nguhu.blogspot.com/archive/2005/05/21/ch%E1%BB%A7-ngh%C4%A9a-h%E1%BA%ADu-hi%E1%BB%87n-%C4%91%E1%BA%Ai-nh%E1%BB%AFng-kh%C3%A0i-ni%E1%BB%87m-c%E1%BB%83n-b%E1%BA%A3n.html>
72. Nguyễn Minh Quân chuyên ngữ, *Jean – Francois Lyotard: Điều kiện hậu hiện đại: Bản tường trình về tri thức*,
http://viettems.com/index.php?option=com_content&view=article&id=2650:jean-francois-lyotard-eiu-kin-hu-hin-i-bn-tng-trinh-v-tri-thc&catid=157:bai-nghien-cuu&Itemid=188
73. Trần Đình Sử, Báo Văn nghệ số 41, 1994, *Hành trình thơ Việt Nam hiện đại*.
74. Vũ Văn Sỹ (1999), *Về mặt đặc trưng thi pháp thơ Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội
75. Vũ Văn Sỹ (2005), *Mạch thơ trong nguồn thế kỷ*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

76. Nguyễn Trọng Tạo, *Khi xã hội xuống cấp, Nhà thơ – người ở đâu?*
<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=8670&rb=0101>
77. Nguyễn Vũ Tiềm (2006), *Đi tìm mật mã của thơ*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
78. Nguyễn Quang Thiều, Báo Giáo dục và thời đại chủ nhật số 1, 2003, *Vẻ đẹp mới của thơ hiện đại*.
79. Vũ Duy Thông, Báo Văn nghệ số 44, 1994, *Không nên đánh tráo khái niệm trong phê bình*.
80. Đỗ Minh Tuấn, Báo Nhân dân Chủ nhật số 44, 1994, *Từ một kỳ trận chữ đến những mạch đời*.
81. Đỗ Minh Tuấn (1997), *Ngày văn học lên ngôi*, Nhà xuất bản Văn học.
82. Hoàng Ngọc Tuấn, *Chủ nghĩa hậu hiện đại có đáng sợ đến thế không?*
<http://www.tienve.org/home/activities/viewTopics.do?action=viewArtwork&artworkId=3037>
83. Bích Thu (1998), *Theo dòng văn học*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
84. Đặng Thu Thủy, Đại học Sư phạm Hà Nội, Luận án Tiến sỹ Ngữ văn, *Những đổi mới cơ bản của thơ trữ tình Việt Nam từ giữa thập niên 80 đến nay*.
85. Hoàng Xuân Tuyền, Báo Người Hà Nội số 8, 2001, *Hiện tượng thơ mới, trẻ thứ thiệt*.
86. Phan Huyền Thư (2002), *Năm nghiêng*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
87. Phan Huyền Thư (2005), *Rồng ngực*, Nhà xuất bản Văn học.
88. Ngân Xuyên dịch từ bản tiếng Nga, S.Kornev, *Chủ nghĩa hậu hiện đại phương Tây và phương Đông*, <http://www.baomoi.com/Chu-nghia-Hau-hien-dai-phuong-Tay-va-phuong-Dong-Hau-hien-dai-Vu-khi-chong-hau-hien-dai/150/2840782.epi>
89. Nguyễn Ước, *Một hồ sơ chủ nghĩa hậu hiện đại*,
<http://www.idr.edu.vn/diendannghiencuu/showthread.php?t=9127>
90. Hồ Sỹ Vĩnh, *Nhận biết về Chủ nghĩa hậu hiện đại trong nghệ thuật*,
<http://www.cand.com.vn/vi-VN/vanhoc/2009/9/119418.cand>
91. Jencks, Charles, Phan Việt Thủy chuyển ngữ, *Chủ nghĩa hậu hiện đại là gì?*
http://www.vanhoahoc.edu.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=1899&Itemid=68
92. John Verhaar, Tạp chí văn học số 5, 1991, *Về chủ nghĩa hậu hiện đại*.